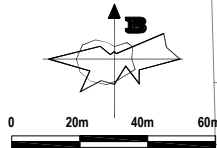


QUY HOẠCH CHI TIẾT ĐÔ THỊ KHU DÂN CƯ DỊCH VỤ DU LỊCH ĐƯỜNG BÃI NÒ
PHƯỜNG PHÁO ĐÀI, THÀNH PHỐ HÀ TIỀN, TỈNH KIÊN GIANG
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

TỶ LỆ 1/500



ĐƯỜNG VỎ CHÍ CÔNG

THUYẾT MINH SỬ DỤNG ĐẤT:

Kí hiệu	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)	Số căn	Căn số	Tổng căn	Mật độ XD (%)	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)	Hệ số SD
1	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	35879,80	35879,80	145	1-145	4	64,49	22994,37	72423,51	2,82
1.1	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	4210,2	4210,2	36	1-36	4	86,47	3649,39	14561,85	3,46
1.2	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	31669,60	31669,60	109	1-109	3	61,11	19353,98	58051,66	1,83
2	ĐẤT Ở SỬ DỤNG HỖN HỢP	16977,80	16977,80	1	1	1	11,52	16792,40	16792,40	1,13
3	ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG XÃ HỘI	31205,10	31205,10	6	1-6	1	21,17	31205,10	31205,10	1,13
3.1	Đất cây xanh sử dụng công cộng	16792,40	16792,40	5	1-5	1	11,39	16792,40	16792,40	1,13
3.2	Đất thương mại dịch vụ	14412,70	14412,70	1	1	1	9,78	14412,70	14412,70	1,13
4	Đất giao thông	62813,00	62813,00	42	1-42	1	42,62	62813,00	62813,00	1,13
4.1	Đường giao thông	62429,70	62429,70	-	-	-	42,36	62429,70	62429,70	1,13
4.1	Hệ thống hành	383,3	383,3	-	-	-	0,26	383,3	383,3	1,13
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	507,8	507,8	1	1	1	0,34	507,8	507,8	1,13
	Tổng	147383,50	147383,50	-	-	-	100,00	147383,50	147383,50	1,13

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI:

KH	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)	Số căn	Căn số	Tổng căn	Mật độ XD (%)	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)	Hệ số SD
1	Đất ở	35879,80	35879,80	145	1-145	4	64,49	22994,37	72423,51	2,82
1.1	Đất ở liên kết	4210,2	4210,2	36	1-36	4	86,47	3649,39	14561,85	3,46
1.2	Đất ở biệt thự	31669,60	31669,60	109	1-109	3	61,11	19353,98	58051,66	1,83
2	Đất ở sử dụng hỗn hợp	16977,80	16977,80	1	1	1	11,52	16792,40	16792,40	1,13
3	Đất công trình hạ tầng xã hội	31205,10	31205,10	6	1-6	1	21,17	31205,10	31205,10	1,13
3.1	Đất cây xanh sử dụng công cộng	16792,40	16792,40	5	1-5	1	11,39	16792,40	16792,40	1,13
3.2	Đất thương mại dịch vụ	14412,70	14412,70	1	1	1	9,78	14412,70	14412,70	1,13
4	Đất giao thông	62813,00	62813,00	42	1-42	1	42,62	62813,00	62813,00	1,13
4.1	Đường giao thông	62429,70	62429,70	-	-	-	42,36	62429,70	62429,70	1,13
4.1	Hệ thống hành	383,3	383,3	-	-	-	0,26	383,3	383,3	1,13
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	507,8	507,8	1	1	1	0,34	507,8	507,8	1,13
	Tổng	147383,50	147383,50	-	-	-	100,00	147383,50	147383,50	1,13

GHI CHÚ:

- LK. ĐẤT Ở LIÊN KẾ
BT1-BT4. ĐẤT Ở BIỆT THỰ
HH. ĐẤT Ở SỬ DỤNG HỖN HỢP
CX1-CX5. ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG
TMDV. ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ
HT. ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

KH	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)	Số căn	Căn số	Tổng căn	Mật độ XD (%)	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)	Hệ số SD
1	Đất ở	35879,80	35879,80	145	1-145	4	64,49	22994,37	72423,51	2,82
1.1	Đất ở liên kết	4210,2	4210,2	36	1-36	4	86,47	3649,39	14561,85	3,46
1.2	Đất ở biệt thự	31669,60	31669,60	109	1-109	3	61,11	19353,98	58051,66	1,83
BT1	Nhà biệt thự 1	9556,00	9556,00	35	1-35	3	62,63	5985,56	17956,09	1,88
BT2	Nhà biệt thự 2	8676,50	8676,50	30	1-30	3	61,24	5313,60	15940,80	1,84
BT3	Nhà biệt thự 3	5606,70	5606,70	18	1-18	3	59,46	3333,57	10040,72	1,78
BT4	Nhà biệt thự 4	7829,40	7829,40	26	1-26	3	60,30	4721,25	14163,75	1,81
2	Đất ở sử dụng hỗn hợp	16977,80	16977,80	1	1	1	11,52	16792,40	16792,40	1,13
3	Đất công trình hạ tầng xã hội	31205,10	31205,10	6	1-6	1	21,17	31205,10	31205,10	1,13
3.1	Đất cây xanh sử dụng công cộng	16792,40	16792,40	5	1-5	1	11,39	16792,40	16792,40	1,13
3.2	Đất thương mại dịch vụ	14412,70	14412,70	1	1	1	9,78	14412,70	14412,70	1,13
4	Đất giao thông	62813,00	62813,00	42	1-42	1	42,62	62813,00	62813,00	1,13
4.1	Đường giao thông	62429,70	62429,70	-	-	-	42,36	62429,70	62429,70	1,13
4.1	Hệ thống hành	383,3	383,3	-	-	-	0,26	383,3	383,3	1,13
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	507,8	507,8	1	1	1	0,34	507,8	507,8	1,13
	Tổng	147383,50	147383,50	-	-	-	100,00	147383,50	147383,50	1,13

KÍ HIỆU:

- ĐẤT Ở LIÊN KẾ
- ĐẤT Ở BIỆT THỰ
- ĐẤT Ở SỬ DỤNG HỖN HỢP
- ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG
- ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ
- ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- MẶT NƯỚC
- ĐẤT GIAO THÔNG
- RANH QUY HOẠCH

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UBND THÀNH PHỐ HÀ TIỀN

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: /QĐ-UBND NGÀY THÁNG NĂM 2024
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HÀ TIỀN

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: /TTP-QLĐT, NGÀY THÁNG NĂM 2024
CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2024
CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HÀ TIỀN

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: /TTP-BQL, NGÀY THÁNG NĂM 2024
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH CHI TIẾT ĐÔ THỊ KHU DÂN CƯ DỊCH VỤ DU LỊCH ĐƯỜNG BÃI NÒ
PHƯỜNG PHÁO ĐÀI, THÀNH PHỐ HÀ TIỀN, TỈNH KIÊN GIANG

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH GHIẾP: A0 TỶ LỆ: 1/500 NGÀY: / /202

THIẾT KẾ: KSQH. HỒ NGỌC TRANG THANH

CHỦ TRÌ: KSQH. HỒ NGỌC TRANG THANH

CHỦ NHIỆM: KTS. LÊ PHÁT HUY

TR. PHÒNG: KTS. NGUYỄN HÙNG VÍ

QL. KỸ THUẬT: KTS. NGUYỄN PHAN HỒNG HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CIC KIÊN GIANG
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CIC KIÊN GIANG
Tòa nhà L1, lô A11a, khu biệt thự cao cấp SeaView, đường Cổ Bắc,
khu phố 1, phường Vĩnh Bảo - Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang